

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 694/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-06-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phước Trinh
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 08 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1729/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: số E, Đường H, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1970; địa chỉ: số E, Đường H, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 11 năm 2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường gây gổ, cãi vã nhau. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được,

tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Phạm Minh T, sinh năm 1997 và Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1992. Các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông Phạm Văn C yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 02/1992 ngày 08 tháng 04 năm 1992 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Ngọc Y là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập nhưng không đến tham gia phiên hòa giải và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Điều đó chứng tỏ bị đơn không còn quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 390/GKS-BS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và bản sao Giấy khai sinh số 391/GKS-BS ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Phạm Minh T, sinh năm 1997 và Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1992, các con chung đều đã trưởng thành.

Do các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/1992 ngày 08 tháng 04 năm 1992 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Ngọc Y có 02 con chung tên Phạm Minh T, sinh năm 1997 và Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1992. Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông Phạm Văn C phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0020405 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tp . HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- THA DS huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài